

Số: 34../NHNo-KDVT

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng

*(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 345/GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/12/2022)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM.
2. Tên viết tắt: AGRIBANK.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Số điện thoại: 024 37722773 Số fax: 024 38314069 Website: www.agribank.com.vn
5. Vốn điều lệ: 34.423.763 triệu đồng (Bằng chữ: Ba mươi tư nghìn bốn trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu đồng) (tại thời điểm 30/09/2022 theo BCTC hợp nhất Quý III/2022).
6. Mã cổ phiếu (nếu có): Không có.
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước - Số hiệu tài khoản: 153184.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 02/12/2022.
9. Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/5/2021 (cấp đổi Quyết định thành lập số 280/QĐ-NH5 ngày 15/10/1996).

II. Phương án chào bán

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2022.
2. Loại trái phiếu: Là trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.
3. Mã trái phiếu: AGRIBANK223001.
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu.



thư

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 100.000.000 trái phiếu (Một trăm triệu trái phiếu).
6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng).
7. Kỳ hạn trái phiếu: 08 năm.
8. Lãi suất: Lãi suất của Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2022 (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- “**Biên độ**” được xác định cụ thể như sau:
 - Mức cộng biên độ hàng năm cho 05 năm đầu tiên là 1,6%/năm;
 - Mức cộng biên độ năm thứ sáu mỗi năm là 3,1%/năm.
 - “**LSTC**”: là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank (mỗi ngân hàng được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Nếu không phải là số nguyên sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.
9. Kỳ trả lãi: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào “**Ngày Thanh Toán Lãi**” là mỗi ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát Hành.
 10. Giá chào bán: **100.000 đồng/trái phiếu**
 11. Phương thức phân phối: Trái Phiếu được bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các chi nhánh/Phòng giao dịch của Agribank trên phạm vi toàn quốc và phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank.
 12. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày 10/12/2022 đến ngày 29/12/2022.
 13. Ngày kết thúc đợt chào bán: 29/12/2022.
 14. Ngày dự kiến chuyển giao trái phiếu: Chậm nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Nhà đầu tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại địa điểm mà nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu.

III. Kết quả chào bán trái phiếu

Đối tượng mua TP	Giá chào bán (đồng/TP)	Số TP chào bán ^(*)	Số TP được đăng ký mua	Số TP được phân phối	Số NĐT đăng ký mua	Số NĐT được phân phối	Số NĐT không được phân phối	Số TP còn lại ^(**)	Tỷ lệ TP được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. NĐT cá nhân,		100.000.000	66.858.400	66.858.400	33.108	33.108	0		66,86%

thư

Đối tượng mua TP	Giá chào bán (đồng/TP)	Số TP chào bán ^(*)	Số TP được đăng ký mua	Số TP được phân phối	Số NĐT đăng ký mua	Số NĐT được phân phối	Số NĐT không được phân phối	Số TP còn lại ^(**)	Tỷ lệ TP được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
trong đó:									
- NĐT trong nước	100.000	100.000.000	66.723.000	66.723.000	33.084	33.084	0		66,72%
- NĐT nước ngoài, TCKT có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	100.000	100.000.000	135.400	135.400	24	24	0		0,14%
2. NĐT tổ chức, trong đó:		100.000.000	33.141.600	33.141.600	173	173	0		33,14%
- NĐT trong nước	100.000	100.000.000	33.141.600	33.141.600	173	173	0		33,14%
- NĐT nước ngoài, TCKT có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	100.000	100.000.000	0	0	0	0	0		0,00%
Tổng số		100.000.000	100.000.000	100.000.000	33.281	33.281	0	0	100%

Ghi chú: TP: trái phiếu; NĐT: nhà đầu tư; TCKT: tổ chức kinh tế; VDL: vốn điều lệ.

(*) Tổng số lượng trái phiếu chào bán được chào bán chung cho tất cả các đối tượng nhà đầu tư, không phân biệt số lượng chào bán đối với từng đối tượng nhà đầu tư.

(**) Agribank đã chào bán hết số lượng trái phiếu của đợt phát hành nên số trái phiếu còn lại là 0 trái phiếu.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán trái phiếu

- Tổng số trái phiếu đã phân phối: 100.000.000 trái phiếu, tương đương 100% tổng số trái phiếu chào bán
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 10.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng)
- Tổng chi phí: 3.407.361.667 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm linh bảy triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)
 - Phí Tư vấn phát hành trái phiếu: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng)
 - Phí dịch vụ Đăng ký, Lưu ký Trái phiếu dự kiến: 357.141.667 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)
 - Lệ phí cấp phép chào bán Trái phiếu (đã bao gồm VAT): 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)
 - Phí chuyển tiền: 220.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi nghìn đồng)

thư

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 9.996.592.638.333 đồng (Bằng chữ: Chín nghìn chín trăm chín mươi sáu tỷ năm trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán (cuối ngày 09/12/2022)	Sau đợt chào bán (cuối ngày 29/12/2022)
1. Tổng nợ (triệu đồng)	1.721.283	1.766.514
- Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	775.858	798.818
- Nợ dài hạn (triệu đồng)	945.425	967.696
Trong đó:		
- Trái phiếu chưa đáo hạn (triệu đồng)	30.985	40.985
2. Tổng vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	88.948	89.348
3. Tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	19,35	19,77

VI. Tài liệu gửi kèm

Giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, nơi Agribank mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 13685/NHNo-KDVTT ngày 30/12/2022. *thư*

Nơi nhận:

- Như trên
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Ban kiểm soát (để b/c);
- Lưu: VP, TKTH, PC, KDVTT. (23MD) *thư*

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Toàn Vượng